TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tri.

Bà Hồ Thúy Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm: 1977.

Nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Trung N, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: đường Đ, khối B, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2017, bản tự khai ngày 14/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày: Chị Bùi Thị B và anh Hồ Trung N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không

hạnh phúc vì công việc nên vợ chồng phải sống xa nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, hiện tại chị B cùng với các con đang sống ở Ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng không còn chung sống, chăm lo cho đời sống của nhau. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hồ Trung N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Bảo Phương A, sinh ngày 22/10/2013 và Hồ Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2008. Khi ly hôn chị Bùi Thị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Chị Bùi Thị B không yêu cầu anh Hồ Trung N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị B không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Hồ Trung N không có mặt theo văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Bản tự khai của cháu Hồ Bảo Ng vào ngày 25/12/2017, cháu Ng xác định nguyện vọng của cháu là yêu cầu được tiếp tục sống cùng chị B.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa, xét thấy: Chị Bùi Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Trung N. Thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Bùi Thị B được ly hôn với anh Hồ Trung Nga.

Về con chung: Nguyện vọng của chị Bùi Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng các con là Hồ Bảo Phương A và Hồ Bảo Ng. Không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Thấy nguyện vọng của chị Bùi Thị B là xác đáng và các con đang ở với chị Bài phát triển bình thường nên cần áp dụng Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình giao các con cho chị Bài nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bài không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị B giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn *(bản chính)*; Giấy khai sinh con Hồ Bảo Phương A và Hồ Bảo Ng *(bản sao),* Đơn xác nhận hộ khẩu anh Hồ Trung N, Đơn trình bày nguyện vọng của con Hồ Bảo Ng, Giấy xác nhận thu nhập *(bản chính),*sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Bùi Thị B, Giấy chứng minh nhân dân *(bản sao, chứng thực)*. Bị đơn anh Hồ Trung N không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp cấp, tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hồ Trung N và anh N đã ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Trung N.

[2] Đối với yêu cầu của chị Bùi Thị B, HĐXX thấy: Chị Bùi Thị B và anh Hồ Trung N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian chung sống, do công việc nên vợ chồng sống xa nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Thấy mâu thuẫn xảy ra từ lâu, vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn chăm lo cho nhau nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Hồ Trung N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Bùi Thị B và anh Hồ Trung N có 02 con chung là cháu Hồ Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2008 và Hồ Bảo Phương A, sinh ngày 22/10/2013. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị B và phát triển bình thường. Cháu Ng có văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ nên cần giao cháu cả hai cháu cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị B không yêu cầu anh Hồ Trung N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị B không yêu cầu giải quyết.

Đối với ý kiến về việc giải quyết của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như phần tranh luận tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị B được ly hôn anh Hồ Trung N.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2008 và Hồ Bảo Phương A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị Bùi Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hồ Trung N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2014/0007004 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Bùi Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Bùi Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/01/2018). Anh Hồ Trung N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Q.Trị;
-VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND xã Tam Phước;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương